

Số: 87 /2018 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh  
doanh Quý II năm 2018

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý II năm 2018 so với Quý II năm 2017 chi tiết như sau:

### I. Chênh lệch trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý II.2018	Quý II.2017	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,186,991,855,118	1,078,319,920,805	108,671,934,313	10.08
11	Giá vốn hàng bán	790,264,381,103	757,013,646,308	33,250,734,795	4.39
20	Lợi nhuận gộp	396,727,474,015	321,306,274,497	75,421,199,518	23.47
21	Doanh thu hoạt động tài chính	12,881,972,163	26,917,251,884	(14,035,279,721)	(52.14)
22	Chi phí tài chính	18,703,121,084	11,059,019,331	7,644,101,753	69.12
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	8,195,117,296	11,641,906,777	(3,446,789,481)	(29.61)
25	Chi phí bán hàng	27,750,042,981	24,891,651,141	2,858,391,840	11.48
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,001,457,224	12,419,783,776	581,673,448	4.68
30	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	350,154,824,889	299,853,072,133	50,301,752,756	16.78
31	Thu nhập khác	422,446,085	353,341,750	69,104,335	19.56
32	Chi phí khác	317,641,699	380,020,660	(62,378,961)	(16.41)
40	Lợi nhuận khác	104,804,386	(26,678,910)	131,483,296	(492.84)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	350,259,629,275	299,826,393,223	50,433,236,052	16.82
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	48,027,747,870	(98,998,883,583)	147,026,631,453	(148.51)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	302,231,881,405	398,825,276,806	(96,593,395,401)	(24.22)

## II. Nguyên nhân biến động

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng 108,671,934,313 đồng, (10.08%) so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân do doanh thu thành phẩm tăng 110,275,140,672 đồng (12.43%); doanh thu nguyên vật liệu, phụ tùng giảm 1,603,206,359 đồng (-0.84%)

2. Lượng hàng bán ra tăng lên làm cho giá vốn cũng tăng: Giá vốn hàng bán tăng 33,250,734,795 đồng (4.39%), trong đó:

- Giá vốn của thành phẩm tăng 24,734,750,909 đồng (4.19%)
- Giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng giảm: 5,801,276,063 đồng (-3.21%)

3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 75,421,199,518 đồng (23.47%) chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp của thành phẩm bán ra tăng 85,540,389,763 đồng, tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu tăng từ 33.49% lên 38.36%. Nguyên nhân do năm 2018, Công ty tăng năng suất lao động, sản lượng bình quân một tháng tăng, làm cho chi phí cố định bình quân trên một sản phẩm giảm.

- Lợi nhuận gộp về bán nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 4,198,069,704 đồng, tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu tăng từ 5.16% lên 7.42%.

- Lợi nhuận gộp từ khoản hoàn thuế nhập khẩu quý II năm 2017 là 13,478,370,246 đồng, năm 2018 không phát sinh.

4. Doanh thu tài chính giảm 14,035,279,721 đồng (-52.14%) nguyên nhân do:

- Quý II năm 2017 phát sinh khoản lãi do chuyển nhượng vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là 20,055,746,400 đồng

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng: 2,356,007,345 đồng (160.03%)

- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng: 3,664,459,334 đồng (68.00%)

5. Chi phí tài chính tăng 7,644,101,753 đồng (69.12%) nguyên nhân:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 11,152,758,314 đồng.

- Chi phí lãi vay giảm 3,446,789,481 đồng (-29.61%) do năm 2018 Công ty không còn khoản vay dài hạn.

6. Chi phí bán hàng tăng 2,858,391,840 đồng (11.48%) chủ yếu do chi phí vật liệu, dụng cụ dùng cho bán hàng và chi phí dịch vụ mua ngoài tăng, cụ thể

- Chi phí vật liệu, dụng cụ cho bán hàng tăng 1,269,710,498 đồng (44.15%)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng: 1,348,125,911 đồng (6.98%).

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 581,673,448 đồng (4.68%) trong đó:

- Chi phí nhân viên quản lý tăng 1,287,136,551 đồng (24.29%)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 338,241,662 đồng (-14.31%)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 147,026,631,453 đồng do các nguyên nhân sau:

- Quý II năm 2017 Công ty đã xác định lại thuế TNDN năm 2015, 2016, quý I.2017 đối với thu nhập phát sinh từ dự án "Đầu tư mở rộng nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex" (Nhà máy số 2), theo đó số thuế đã nộp được điều chỉnh vào quý II /2017 làm lợi nhuận quý II tăng thêm 130,178,199,276 đồng.

- Năm 2017 nói chung và quý II.2017 nói riêng, mức thuế suất đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy số II được miễn thuế; năm 2018 mức thuế suất của hoạt động này là 10%.

9. Chi tiết lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty so với cùng kỳ năm trước như sau

Các chỉ tiêu	Thực hiện quý II.2018	Thực hiện quý II.2017		Tỷ lệ % so với quý II.2017	
		Có tính đến thoái vốn và hoàn thuế nhập khẩu, điều chỉnh thuế TNDN	Không tính đến thoái vốn, hoàn thuế nhập khẩu, Điều chỉnh thuế TNDN	Có tính đến thoái vốn và hoàn thuế nhập khẩu, điều chỉnh thuế TNDN	Không tính đến thoái vốn, hoàn thuế nhập khẩu, Điều chỉnh thuế TNDN
Lợi nhuận trước thuế	350,259,629,275	299,826,393,223	266,292,276,577	117%	132%
Lợi nhuận sau thuế	302,231,881,405	398,825,276,806	235,112,960,884	76%	129%

Quý II.2017 có nhiều nguyên nhân khác nhau làm tăng lợi nhuận của Công ty như đã trình bày ở trên: lãi chuyển nhượng vốn 20 tỷ đồng, hoàn thuế nhập khẩu: 13.4 tỷ đồng, điều chỉnh lại thuế thu nhập doanh nghiệp 130 tỷ đồng. Nếu không tính các khoản này, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty quý II.2018 tăng lần lượt là 32% và 29% so với cùng kỳ năm trước.

TYP  
 AN  
 CON  
 TP



Xin chân thành cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phạm Anh Tuấn*

